

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-ATTP

Kiên Giang, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình an toàn thực phẩm trong xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2025**

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG

Số: 1121

Ngày: 11/6/2025

Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế về việc

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 trên

địa bàn tỉnh Kiên Giang,

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình an toàn thực phẩm (ATTP) trong xây dựng nông thôn mới, góp phần hoàn thành các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố tại địa phương trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2. Yêu cầu

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố trong việc chấp hành các quy định về ATTP.

- Các hoạt động hỗ trợ, tập huấn và truyền thông phải đảm bảo thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đúng đối tượng, đúng nội dung, tiết kiệm và hiệu quả.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình ATTP trong xây dựng nông thôn mới.

II. NỘI DUNG

1. Hỗ trợ hoạt động thông tin, truyền thông

- Biên soạn cẩm nang hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các biện pháp đảm bảo ATTP và phòng, chống ngộ độc thực phẩm. In

và cấp phát cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Số lượng cẩm nang: 1.300 cuốn.

2. Tổ chức hội nghị tập huấn

2.1. Đối tượng, số lượng tham dự

a) Đối tượng tham dự

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, căn tin nhà máy, xí nghiệp, trường học, cơ sở nấu ăn lưu động...), thức ăn đường phố...

- Cán bộ quản lý chương trình ATTP cấp huyện, cấp xã; Nhân viên y tế trường học.

- Thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP cấp huyện, cấp xã.

b) Số lượng: 1.280 người (16 lớp, mỗi lớp 80 người).

2.2. Nội dung tập huấn

a) Một số quy định về ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

b) Hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, căn tin nhà máy, xí nghiệp, trường học, cơ sở nấu ăn lưu động...), thức ăn đường phố... tự kiểm tra đảm bảo ATTP tại cơ sở.

2.3. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Quý III/2025.

- Địa điểm: tại Hội trường Trung tâm Y tế hoặc Hội trường UBND huyện/xã.

(lịch cụ thể sẽ thông báo sau).

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp cho ngành y tế. *(Đính kèm bảng dự trù kinh phí).*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ phận truyền thông

Tham mưu công tác hỗ trợ các hoạt động thông tin, truyền thông cho các xã; Xây dựng nội dung cẩm nang hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các biện pháp đảm bảo ATTP và phòng, chống ngộ độc thực phẩm; Xây dựng nội dung tập huấn thực hiện chương trình ATTP trong xây dựng nông thôn mới *(nội dung a mục 2.2 phần II).*

2. Bộ phận thanh tra, kiểm tra

Xây dựng nội dung tập huấn thực hiện chương trình ATTP trong xây dựng nông thôn mới (*nội dung b mục 2.2 phần II*).

3. Bộ phận Hành chính – Tổng hợp

- Phối hợp với bộ phận truyền thông in ấn, cấp phát cẩm nang cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống.
- Phối hợp với các địa phương chuẩn bị các điều kiện hậu cần cho các lớp tập huấn (xe công tác, hội trường, nước uống, tài liệu,...).
- Thực hiện thủ tục thanh, quyết toán chi phí thực hiện kế hoạch.

5. Chế độ báo cáo

Các bộ phận của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được phân công về bộ phận Hành chính - Tổng hợp trước ngày 30/9/2025 để tổng hợp báo cáo Sở Y tế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chương trình ATTP trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, đề nghị các bộ phận nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- BLĐ Chi cục ATVSTP;
- UBND huyện, thành phố;
- TTYT huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Itthien.

CHI CỤC TRƯỞNG

htham

Nguyễn Thành Nam

Kiến Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2025

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

- Triển khai thực hiện tiêu chí thuộc lĩnh vực y tế trong xây dựng nông thôn mới có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình hành động cụ thể, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu

theo kế hoạch. Chủ động hướng dẫn các địa phương rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành tiêu chí; tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan với cấp xã, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu thuộc lĩnh vực y tế theo đúng tiến độ và thời gian thẩm định.

- Đẩy mạnh phòng trào “Ngành Y tế chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”; quan tâm xây dựng, duy trì thực hiện tốt “Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cấp cơ sở vật chất, nhân lực, trình độ chuyên môn cho y tế tuyến huyện, tuyến xã sao cho Trung tâm Y tế đạt chuẩn và duy trì 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử, triển khai sổ khám chữa bệnh điện tử, triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi), bảo đảm hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm tại địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cấp huyện

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới;

- Phấn đấu trong năm có thêm 01 huyện đạt chuẩn huyện Nông thôn mới; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tiếp tục duy trì 02 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và phấn đấu có thêm 01 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2.2. Cấp xã

- Xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Duy trì kết quả 116/116 xã đạt chỉ tiêu, tiêu chí do Sở Y tế hướng dẫn và đánh giá.

- Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao: Duy trì kết quả 45/45 xã đạt chỉ tiêu, tiêu chí do Sở Y tế hướng dẫn và đánh giá. Phấn đấu có thêm 10 xã đạt tiêu chí số 14, chỉ tiêu số 18.4 và 18.5 do Sở Y tế hướng dẫn và đánh giá.

- Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu: Phấn đấu có 11 xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu.

Duy trì và nâng cao chất lượng các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới. Đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện xây dựng nông thôn mới, tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo “Xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc”; xây dựng nông thôn mới phải gắn với nâng cao thu nhập, tạo việc làm cho người dân.

2. Công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới

- Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh... phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2025. Tiếp tục nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động.

- Nhân rộng kết quả thực hiện mô hình điểm, kiểu mẫu để các đơn vị học tập. Tập trung tuyên truyền cách làm hay, sáng tạo trong thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu để nâng cao ý thức tự giác, tự chủ, phát huy năng động sáng tạo trong tổ chức thực hiện.

- Quan tâm, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp, nhất là ở cấp xã, để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh.

3. Cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng phụ nữ và trẻ em (có kế hoạch triển khai cụ thể)

- Can thiệp toàn diện lên tất cả các nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em: Kiện toàn và nâng cao chất lượng mạng lưới nhất là đội ngũ cộng tác viên/y tế thôn bản; Cung cấp vật tư trang thiết bị; Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng, bổ sung vitamin A, bổ sung đa vi chất; điều trị suy dinh dưỡng cấp tính, tẩy giun cho trẻ em....

- Thực hiện các can thiệp tập trung vào giai đoạn trong và sau khi mang thai: Truyền thông giáo dục dinh dưỡng, bổ sung vitamin A, hướng dẫn bổ sung đa vi chất; điều trị suy dinh dưỡng cấp tính....

- Thực hiện theo dõi tăng trưởng dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi tại các xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; các xã định hướng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám chữa bệnh

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành Y tế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và cải cách hành chính, tăng cường mức độ cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ cho hoạt động của đơn vị được minh

bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn góp phần cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ sức khỏe người dân

- Hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao và được bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe liên tục, suốt đời.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế theo sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Y tế.

5. Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

5.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế tuyến xã

- Chỉ đạo, hướng dẫn Trạm Y tế xã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn. Triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Chú trọng phòng bệnh, nâng cao sức khỏe, sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật, mở rộng phạm vi quản lý và điều trị ngoại trú các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở, đẩy mạnh lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe cho tất cả người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, duy trì tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt trên 99% dân số.

5.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế tuyến huyện

- Trung tâm y tế tuyến huyện tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển các dịch vụ kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu (lâm sàng, cận lâm sàng); thường xuyên nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; kết hợp khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền với y học hiện đại, phát huy vai trò, hiệu quả của y học cổ truyền trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe.

- Tăng cường các dịch vụ chăm sóc ban đầu, chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tiêm chủng, dinh dưỡng; phòng chống HIV/AIDS; đảm bảo an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng dân số.

- Chủ động phối hợp, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của tuyến trên. Thường xuyên chỉ đạo, hỗ trợ trực tiếp các trạm y tế trên địa bàn phát triển, duy trì hoạt động chuyên môn; thực hiện hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế 2 chiều để hỗ trợ và nâng cao chuyên môn cho trạm y tế xã.

- Thực hiện các gói dịch vụ y tế cơ bản theo quy định tại Thông tư số 37/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở; khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng, quản lý sức khỏe người dân tại cộng đồng.

5.3. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ sở y tế trên địa bàn

- Tăng cường phối hợp hoạt động giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn; khuyến khích y tế tư nhân, các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch

vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng và kết nối với y tế cơ sở trong quản lý sức khỏe toàn dân.

- Đẩy mạnh kết hợp quân - dân y; nâng cao năng lực y tế vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, thiểu số.

6. Tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm

Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường, cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

7. Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQGXĐNTM. Đặc biệt coi trọng vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc giám sát, đánh giá.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TRIỂN KHAI

1. Thời gian: Năm 2025.

2. Địa điểm: Tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới phân bổ cho Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chức năng thuộc Sở Y tế

- Phòng Nghiệp vụ Y: Chủ trì, tham mưu xây dựng và hướng dẫn các đơn vị triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2025. Quản lý và điều phối hoạt động chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các nội dung của kế hoạch; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch về UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Chủ trì, tham mưu mục tiêu, tiến độ, giải pháp, hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị cho các, Trung tâm Y tế tuyến huyện, Trạm Y tế tuyến xã đảm bảo đạt điều kiện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới.

- Văn phòng Sở Y tế:

+ Chủ trì, tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế.

+ Hướng dẫn các thủ tục và thực hiện thanh quyết toán kinh phí của các hoạt động thuộc Chương trình MTQGXĐNTM tại Sở Y tế.

- Các phòng chức năng khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp với phòng Nghiệp vụ Y trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

2. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

Chủ trì, tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai tập huấn, nâng cao kiến thức người dân và tăng cường công tác kiểm tra, quản lý, bảo đảm hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm tại địa phương.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Chủ trì, tham mưu Kế hoạch triển khai nội dung về cải thiện dinh dưỡng, sức khỏe phụ nữ và trẻ em.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trong ngành y tế triển khai thực hiện Quyết định số 1858/QĐ-BYT ngày 06/7/2022 của Bộ Y tế về việc thực hiện can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

4. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố

Căn cứ nội dung kế hoạch này xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 tại địa phương, chủ động rà soát các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030, tiêu chí về nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao để tham mưu, đề xuất với Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các đơn vị y tế tuyến tỉnh trong việc triển khai các hoạt động y tế trên địa bàn.

5. Đề nghị UBND các huyện, thành phố

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ chỉ đạo các đơn vị tham mưu liên quan, các ban, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với đơn vị y tế tại địa phương triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch.

- Chỉ đạo UBND các xã xây dựng kế hoạch, khẩn trương xây mới, cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế tuyến xã xuống cấp và mua mới trang thiết bị văn phòng đã hỏng hóc tại trạm.

- Đảm bảo kinh phí trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đề nghị cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các khoa, phòng và đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai; trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Y tế (qua phòng Nghiệp vụ Y) để xem xét, giải quyết. *mtul*

Nơi nhận:

- GD và các PGD SYT;
- UBND huyện, thành phố;
- Các phòng chức năng thuộc SYT, CCATTP, CCDS;
- TT KSBT, TTYT huyện, thành phố;
- Trang VPĐT;
- Lưu: VT, mtchí, "HT".

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chung Tấn Thịnh

Phụ lục
Chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu
và huyện nông thôn mới năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 50/KH-SYT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Sở Y tế)

STT	Địa phương /chỉ tiêu	Ghi chú
I	XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO	
1	Xã Gành Dầu - Phú Quốc	
2	Xã Nam Thái - An Biên	
3	Xã Đông Hòa - An Minh.	
4	Xã Lại Sơn - Kiên Hải	
5	Xã Bình Sơn - Hòn Đất	
6	Xã Mỹ Thái - Hòn Đất	
7	Xã Mong Thọt - Châu Thành	
8	Xã Thạnh Lộc -- Châu Thành	
9	Xã Ngọc Chúc - Giồng Riềng	
10	Xã Tân An - Tân Hiệp	
-	Xã Đông Hưng B – An Minh	Phấn đấu
-	Xã Nam Du - Kiên Hải	Phấn đấu
-	Xã Cửa Dương - Phú Quốc	Phấn đấu
-	Xã Nam Thái A - An Biên	Phấn đấu
-	Xã Nam Thái Sơn - Hòn Đất	Phấn đấu
-	Xã Mỹ Hiệp Sơn - Hòn Đất	Phấn đấu
-	Xã Mong Thọt B - Châu Thành	Phấn đấu
-	Xã Vĩnh Thuận - Vĩnh Thuận	Phấn đấu
II	XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU	
1	Xã Hòa Lợi - Giồng Riềng	
2	Xã Đông Thạnh - An Minh	
3	Xã Hòn Tre - Kiên Hải	
4	Xã An Sơn - Kiên Hải	
5	Xã Vĩnh Phong - Vĩnh Thuận	
6	Xã Vĩnh Hòa Hiệp – Châu Thành	

7	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam – Gò Quao	
8	Xã Thanh Đông A – Tân Hiệp	
9	Xã Đông Yên – An Biên	
10	Xã Mỹ Thuận – Hòn Đất	
11	Xã Thanh Đông – Tân Hiệp	
-	Xã Hòn Nghệ - Kiên Lương	Phấn đấu
-	Xã Dương Hòa – Kiên Lương	Phấn đấu
-	Xã Tiên Hải – Tp Hà Tiên	Phấn đấu
-	Xã Thuận Yên – Tp Hà Tiên	Phấn đấu
III	HUYỆN NÔNG THÔN MỚI	
1	Huyện U Minh Thượng	
2	Huyện Hòn Đất	

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 165 /BC-STC

Kiên Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các CTMTQG đến ngày 25/5/2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và dự kiến chương trình công tác từ nay đến cuối năm 2025

Kính gửi: UBND tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Giang Thanh Khoa tại Công văn số 4699/VP-MTQG ngày 08/5/2025 về việc tham mưu họp Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia 05 tháng đầu năm 2025. Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các CTMTQG đến ngày 25/5/2025 và dự kiến chương trình công tác từ nay đến cuối năm 2025 như sau:

I. VỀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VÀ GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển: UBND tỉnh giao cho các chủ Chương trình phân khai chi tiết với tổng vốn là 183.670 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 172.871 triệu đồng, ngân sách địa phương 10.799 triệu đồng*), trong đó đã phân khai chi tiết như sau:

- + CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu phân khai chi tiết số tiền 115.700/115.700 triệu đồng, đạt 100%.
- + CTMTQG giảm nghèo bền vững: Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã phân khai chi tiết số tiền 9.278/10.613 triệu đồng, đạt 87,42%¹.
- + CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phân khai chi tiết số tiền 54.948/57.357 triệu đồng, đạt 95,8%².

2. Giao dự toán nguồn vốn sự nghiệp:

- UBND tỉnh đã giao vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới với số tiền 85.999 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 34.859 triệu đồng, ngân sách địa phương 51.140 triệu đồng*).
- Còn lại 02 CTMTQG: Giảm nghèo bền vững và phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Trung ương mới bổ sung vốn sau³, đến nay Sở Tài chính đã có văn bản tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

¹ Còn lại 943 triệu đồng vốn NSTW và 401 triệu đồng vốn NSDP chưa giao chi tiết do huyện Hòn Đất không còn các xã đặc biệt khó khăn nên không đủ điều kiện giao vốn.

² Còn lại 2.409 triệu đồng vốn NSDP chưa giao chi tiết do nguồn vốn NSTW năm 2025 Chính phủ (giao đợt 1) chưa đủ nên phải chờ giao bổ sung.

II. GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025 TÍNH ĐẾN NGÀY 25/5/2025

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển

- Đã giải ngân 23.030/179.926 triệu đồng, đạt 12,80% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ năm 2024 là 3,43%⁴. Tuy nhiên, vẫn còn 05 đơn vị chưa giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 đã được giao⁵, 06 đơn vị giải ngân thấp hơn mức trung bình của tỉnh⁶, giải ngân cụ thể từng Chương trình như sau:

+ CTMTQG xây dựng Nông thôn mới: đã giải ngân số tiền 5.964/115.700 triệu đồng, đạt 5,15%.

+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững: đã giải ngân số tiền 2.761/9.278 triệu đồng, đạt 29,75%.

+ CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: đã giải ngân số tiền 14.305/54.948 triệu đồng, đạt 26,03%.

2. Nguồn vốn sự nghiệp

- CTMTQG xây dựng nông thôn mới: giải ngân số tiền 899/85.999 triệu đồng, đạt 1,05%. Đến nay có 03 đơn vị đã giải ngân vốn⁷, còn lại 33 đơn vị chưa giải ngân (chi tiết tại phụ lục I).

- CTMTQG giảm nghèo bền vững: chưa được giao dự toán.

- CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: chưa được giao dự toán.

III. GIẢI NGÂN VỐN KÈO DÀI TỪ 2021, 2022, 2023, 2024 SANG 2025 TÍNH ĐẾN NGÀY 25/5/2025

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển

- Đã giải ngân 8.334/43.304 triệu đồng, đạt 19,24% kế hoạch, còn 04 đơn vị chưa giải ngân⁸ và 04 đơn vị giải ngân thấp hơn mức trung bình của tỉnh⁹, giải ngân cụ thể từng Chương trình như sau:

+ CTMTQG xây dựng nông thôn mới: đã người 6.902/30.885 triệu đồng, đạt 22,35%.

³ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

⁴ Giải ngân cùng kỳ ngày 29/5/2024 là 19.059/203.353 triệu đồng, đạt 9,37%.

⁵ Gồm huyện, TP: Tân Hiệp, An Minh, Kiên Lương, Phú Quốc.

⁶ Gồm: Gò Quao (10,8%), Châu Thành (9,62%), Sở Giáo dục và Đào tạo (8,91%), Giang Thành (4,82%), Vĩnh Thuận (1,44%), Giồng Riềng (1,05%),

⁷ Huyện An Biên, Huyện Hòn Đất, Sở Tư pháp.

⁸ Gồm huyện: Gò Quao, Kiên Hải, Vĩnh Thuận, Giang Thành.

⁹ Gồm huyện: Châu Thành (15,5%); Giồng Riềng (9,04%); Kiên Lương (5,34%), Giang Thành (2,88%).

+ CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.432/12.420 triệu đồng, đạt 11,53%.

2. Nguồn vốn sự nghiệp

Đã giải ngân 10.665/377.154 triệu đồng, **đạt 3,35% kế hoạch**, đến nay còn **21 đơn vị chưa giải ngân hoặc giải ngân thấp** hơn mức trung bình của tỉnh (chi tiết tại phụ lục II), trong đó:

- CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 1.861/84.627 triệu đồng, đạt 2,2%.
- CTMTQG giảm nghèo bền vững: 1.891/85.964 triệu đồng, đạt 2,2%.
- CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 6.913/206.563 triệu đồng, đạt 3,35%.

IV. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN GIẢI NGÂN THẤP

1. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

a. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: việc thực hiện các dự án nguồn vốn đầu tư phát triển về cơ bản không gặp khó khăn, vướng mắc; đến nay đã giải ngân chung của 03 Chương trình cao hơn cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, việc giải ngân của Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới đến nay còn thấp (chỉ đạt 5,15%).

b. Đối với nguồn vốn sự nghiệp

- Công tác nhập TAPMIS cho danh mục dự án của các đơn vị được giao dự toán các năm trước đến nay còn chưa hoàn thành và có sự sai lệch về tổng vốn được giao (cụ thể trong thực hiện CTMTQG dân tộc thiểu số miền núi: huyện Kiên Lương được giao tổng vốn qua các năm số tiền 6.470,7 triệu đồng nhưng nhập TAPMIS số tiền 15.862 triệu đồng; huyện Giồng Riềng được giao tổng vốn qua các năm số tiền 14.969,4 triệu đồng nhưng nhập TAPMIS số tiền 28.619 triệu đồng; huyện U Minh Thượng được giao tổng vốn qua các năm số tiền 12.621 triệu đồng nhưng nhập TAPMIS số tiền 19.091 triệu đồng;...).

- Một số đơn vị cấp tỉnh sau khi sáp nhập, giải thể chưa hoàn thành chốt số liệu, chuyển tiếp vốn cho đơn vị mới thực hiện (như: Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;...).

- Hiện nay các Kho bạc cấp huyện không còn (thay thế bằng phòng giao dịch) nên công tác kiểm soát, cập nhật số liệu từng đơn vị gặp rất nhiều khó khăn.

2. Một số nguyên nhân giải ngân thấp

- Sở Nông nghiệp và Môi trường với vai trò là chủ của 02 Chương trình chưa quản lý chặt chẽ, chưa tổng hợp được số liệu về tổng dự toán (vốn sự nghiệp) đã giao cho từng đơn vị, số giải ngân đến nay, số còn lại được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025.

- Một số đơn vị cấp tỉnh sau khi sáp nhập, giải thể chưa hoàn thành chốt số liệu, chuyển tiếp vốn cho đơn vị mới thực hiện (như: Sở Lao động Thương binh và

Xã hội, Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;...).

- Hiện nay các Kho Bạc cấp huyện không còn (thay thế bằng Phòng giao dịch) nên công tác kiểm soát, cập nhật số liệu từng đơn vị gặp rất nhiều khó khăn.

- Một số đơn vị chưa báo cáo kịp thời về các chủ Chương trình, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo; thiếu quyết liệt trong thực hiện; chưa theo dõi sát việc thực hiện các dự án, dự toán.

- Công tác phối hợp, theo dõi số liệu ở một số đơn vị chưa chặt chẽ dẫn đến số liệu vốn nhập TAPMIS có sai lệch ở nhiều đơn vị.

- Công tác giao vốn đầu tư công đối với Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2025 còn chậm so với quy định (đến ngày 26/02/2025 UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND).

- Công tác giao dự toán chưa được quan tâm đúng mức và còn chậm (đối với vốn sự nghiệp CTMTQG xây dựng Nông thôn mới đến ngày 02/4/2025 mới giao xong dự toán chi tiết). Đến nay, dự toán của 02 CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa được giao.

- Việc huy động các nguồn lực xã hội (doanh nghiệp và nhân dân) để cùng thực hiện các CTMTQG Nông thôn mới đạt rất thấp so với kế hoạch từ đó không thể thực hiện và giải ngân dự án.

- Từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu 2023 nên khi thực hiện UBND cấp Xã gặp nhiều lúng túng do cán bộ chưa nắm vững chuyên môn (như: mua con giống, hỗ trợ phát triển sản xuất,...),...

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2025

Để thực hiện hoàn thành giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025, Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng (Giám đốc) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, thành phố một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhiệm vụ chung:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương; tiếp tục xem việc thực hiện hoàn thành mục tiêu, kế hoạch và giải ngân vốn các CTMTQG là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên chỉ đạo của cơ quan, đơn vị mình; phân công nhiệm vụ cụ thể cho tổ chức, cá nhân phụ trách, xem đây là căn cứ để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cá nhân, tổ chức trong năm 2025.

- Nghiên cứu Công văn số 4738/BTC-TH ngày 14/4/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 1385/STC-QLĐT ngày 13/5/2025 về

việc hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 1426/STC-QLĐT ngày 16/5/2025 về việc bổ sung phụ biểu hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp để chủ động triển khai thực hiện.

- Báo cáo định kỳ, kịp thời về các chủ Chương trình và Sở Tài chính để tổng hợp, phục vụ các cuộc họp Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Tiếp tục chủ động thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch trung hạn và hàng năm theo phân cấp tại Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5817/BKHĐT-TCTT ngày 23/7/2024.

- Chỉ đạo các đơn vị được giao dự toán năm 2025 và các năm trước (đối với nguồn vốn sự nghiệp) khẩn trương nhập TAPMIS số tiền còn lại.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, xây dựng dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo từng danh mục dự án (đối với vốn đầu tư công) gửi 02 chủ Chương trình để tổng hợp.

- Giao Kho Bạc nhà nước khu vực XX: rà soát, tổng hợp, hàng tuần cung cấp số liệu giải ngân vốn của từng đơn vị (gồm: nguồn vốn sự nghiệp và đầu tư công) gửi 02 chủ chương trình và Sở Tài chính để tổng hợp.

- Giao Sở Tài chính: phối hợp với các sở, ngành và các chủ CTMTQG tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, Ban quản lý trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và dự toán năm 2025.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

- *Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển*

- + Đối với 05 đơn vị chưa giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 đã được giao¹⁰, 06 đơn vị giải ngân thấp hơn mức trung bình của tỉnh¹¹: khẩn trương chỉ đạo bộ phận chuyên môn theo dõi sát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đảm bảo giải ngân đạt 100% kế hoạch.

- + Đối với các đơn vị giải ngân cao hơn mức trung bình của tỉnh: chỉ các chủ đầu tư, đơn vị quản lý, thực hiện dự án theo dõi, kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thực hiện hợp đồng, có giải pháp hoàn thành sớm đưa công trình vào sử dụng, từ đó nếu dự án thừa vốn điều chỉnh sang các dự án khác có nhu cầu (nhưng phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức).

- + Ngày 26/3/2025, UBND tỉnh đã có Báo cáo số 131/BC-UBND về việc đánh giá kết quả phân bổ, giải ngân vốn ngân sách trung ương và nhu cầu vốn còn

¹⁰ Gồm huyện, TP: Tân Hiệp, An Minh, Kiên Lương, Phú Quốc.

¹¹ Gồm: Gò Quao (10,8%), Châu Thành (9,62%), Sở Giáo dục và Đào tạo (8,91%), Giang Thành (4,82%), Vĩnh Thuận (1,44%). Giồng Riềng (1,05%),

lại thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Theo đó, số vốn ngân sách TW năm 2025 giao cho tỉnh còn thiếu 19.306 triệu đồng so với kế hoạch trung hạn đã được giao. Sở Tài chính, kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục đôn đốc, báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính xem xét bổ sung vốn còn thiếu.

+ Thủ trưởng (Giám đốc) các đơn vị được giao vốn phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh khi không giải ngân hết số vốn được giao (kể cả vốn được kéo dài thời thực hiện sang năm 2025).

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp

+ Đối với nhóm 33 đơn vị chưa giải ngân dự toán năm 2025 (thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới): đẩy mạnh việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đối với dự án đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư; đối với các dự án đang triển khai thực hiện phải giám sát, đôn đốc nhà thầu, đơn vị thực hiện đảm bảo đúng tiến độ hoặc vượt tiến độ sớm hoàn thành hợp đồng.

+ Đến nay, giá trị giải ngân đối với nguồn vốn sự nghiệp chỉ ở mức 3,35% kế hoạch, đây là tỷ lệ rất thấp. Do đó, đề nghị Thủ trưởng (Giám đốc) các đơn vị được giao vốn phải xem là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên chỉ đạo của cơ quan, đơn vị mình. Việc giải ngân dự toán năm 2025 được giao không đạt kế hoạch thì Thủ trưởng (Giám đốc) các đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Giao Sở Tài chính: phối hợp tốt với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan hoàn thành các thủ tục thông qua HĐND tỉnh để sớm được ban hành Nghị quyết làm cơ sở để UBND tỉnh giao dự toán năm 2025 cho 02 Chương trình còn lại.

V. DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM 2025

Để thực hiện hoàn thành mục tiêu, kế hoạch và giải ngân vốn các CTMTQG năm 2025 cũng như giai đoạn 2021-2025, Sở Tài chính kiến nghị chương trình công tác từ nay đến cuối năm 2025 như sau:

1. Ngày 05/5/2025, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 864/QĐ-TTg (theo đó, tỉnh Kiên Giang được bổ sung vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới số tiền 14.020 triệu đồng). Trên cơ sở đó kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo: (1) Sở Tài chính tổng hợp, bổ sung vốn vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; (2) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động dự kiến danh mục dự án (phân bổ theo tiêu chí, định mức cho các đơn vị), sau khi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung vốn vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, khẩn trương tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân khai chi tiết danh mục dự án vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giao chi tiết vốn năm 2025 cho các đơn vị thực hiện, giải ngân.

2. Nghiên cứu sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Sở Tài chính.

3. Tiếp tục nghiên cứu kiện toàn Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

4. Các đơn vị chủ động hoàn thành việc rà soát, nhập TAPMIS đúng tổng vốn đã được UBND tỉnh giao qua các năm.

5. Tiếp thực hiện hoàn thành các kế hoạch của 03 Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt¹².

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo và Sở Nông nghiệp và Môi trường: phân công các bộ chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, lập báo cáo tổng kết kết quả thực hiện 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng thời gian, nội dung và số liệu theo hướng dẫn.

7. Sở Tài chính: trên cơ sở báo cáo của 02 chủ Chương trình, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo tổng kết gửi Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng thời gian, nội dung và số liệu theo hướng dẫn.

8. 02 chủ Chương trình: chủ động thành lập Tổ kiểm tra đề đơn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện, giải ngân 03 Chương trình MTQG.

9. Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo và Sở Nông nghiệp và Môi trường: tiếp tục nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh các nội dung đã được Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội ban hành.

Sở Tài chính báo cáo tình hình thực hiện các CTMTQG năm 2025 đến ngày 25/5/2025 đến UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *pm*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc Sở;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Kho Bạc nhà nước khu vực XX;
- UBND các huyện, TP;
- Phòng: QLĐT, THQH;
- Lưu: VT, nhnguyen.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Kiều Quyên

¹² Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 13/2/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2025; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh truyền thông về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Số: 61/KH-ATTP; 11/06/2025; 16:04:02;

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện chương trình an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 61 /KH-ATTP ngày 11/ 6/2025 của Chi cục ATVSTP tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Chi tập huấn phổ biến, giáo dục pháp luật các xã, dự kiến 16 lớp x 80 = 1280 người (mỗi lớp 01 ngày)	161,280,000	
1	Bồi dưỡng báo cáo viên	34,560,000	
	Báo cáo viên là Thạc sĩ 1.200.000đ/buổi x 16 buổi	19,200,000	
	Báo cáo viên là chuyên viên 960.000đ/buổi x 16 buổi	15,360,000	
2	Nước uống 1280 người x 20.000đ x 02 buổi	51,200,000	
3	In tài liệu 1280 cuốn x 38.000đ	48,640,000	
4	Văn phòng phẩm (viết, sơ mi nút) 1280 x 11.000đ	14,080,000	
5	Băng gôn lớp tập huấn 16 lớp x 500.000đ	8,000,000	
6	Dọn dẹp hội trường 16 lớp x 300.000đ x 1 ngày	4,800,000	
II	Công tác phí	40,300,000	
1	Phụ cấp công tác phí:	8,100,000	
	Xã đất liền 140000 x 3 người x 15 ngày	6,300,000	
	Kiên Hải 200.000đ x 3 người x 3 ngày	1,800,000	
2	Phòng nghỉ	1,600,000	
	Huyện Kiên Hải 400.000đ/phòng x 2 phòng x 2 đêm	1,600,000	
3	Vé tàu đi Kiên Hải 6 vé (đi và về) x 100.000đ	600,000	
4	Thuê xe (giá theo thời điểm) 2.000.000đ/chuyến x 15 chuyến	30,000,000	
III	Tuyên truyền	48,420,000	
1	In cẩm nang tuyên truyền (1300 cuốn)	48,420,000	
	Tổng cộng	250,000,000	

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng./.

PHỤ LỤC II
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN KÉO DÀI CÁC CTMTQG SANG NĂM 2025 (THEO SỐ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)

(kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày tháng năm 2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch vốn kéo dài từ năm 2021, 2022, 2023, năm 2024 sang năm 2025				Giá trị giải ngân từ đầu năm đến ngày 25/5/2025				Ghi chú
		Trong đó:			Tổng cộng	Trong đó:			Tổng cộng	Đạt tỷ lệ %
		Nông thôn mới	Giảm nghèo bền vững	Vùng DB DTTS và MN		Nông thôn mới	Giảm nghèo bền vững	Vùng DB DTTS và MN		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10=7+8+9	11=10/3
A	NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	43.304	30.885	-	12.420	6.902	-	1.432	8.334	19,24%
A.1	Ngân sách Trung ương	40.276	30.885	-	9.391	6.902	-	1.239	8.141	20,21%
1	Sở Văn hóa và Thể thao	962	-	-	962	-	-	958	958	99,59%
2	Huyện U Minh Thượng	644	644	-	-	487	-	-	487	75,58%
3	Huyện An Minh	5.600	5.600	-	-	2.552	-	-	2.552	45,57%
4	Huyện An Biên	273	215	-	57	110	-	6	115	42,38%
5	Thành phố Rạch Giá	1.482	1.342	-	140	418	-	-	418	28,23%
6	Thành phố Phú Quốc	4.502	4.502	-	-	1.184	-	-	1.184	26,31%
7	Huyện Hòn Đất	586	502	-	84	134	-	-	134	22,83%
8	Huyện Châu Thành	10.544	7.696	-	2.848	1.595	-	40	1.635	15,50%
9	Huyện Giồng Riềng	1.134	105	-	1.030	37	-	66	103	9,04%
10	Huyện Kiên Lương	8.524	8.329	-	195	386	-	69	455	5,34%
11	Huyện Giang Thành	3.460	-	-	3.460	-	-	100	100	2,88%
12	Huyện Gò Quao	1.005	618	-	387	-	-	-	-	0,00%

13	Huyện Kiên Hải	592	592	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
14	Huyện Giang Thành	604	604	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
15	Huyện Vĩnh Thuận	365	135	-	230	-	-	-	-	-	-	0,00%	
A.2	Ngân sách địa phương	3.028	-	-	3.028	-	-	-	193	193	193	6,37%	
1	Huyện Hòn Đất	28	-	-	28	-	-	-	28	28	28	98,59%	
2	Sở Văn hóa và Thể thao	144	-	-	144	-	-	-	99	99	99	68,61%	
3	Thành phố Rạch Giá	81	-	-	81	-	-	-	40	40	40	49,61%	
4	Huyện Gò Quao	159	-	-	159	-	-	-	19	19	19	11,93%	
5	Huyện An Biên	26	-	-	26	-	-	-	1	1	1	3,86%	
6	Huyện Châu Thành	846	-	-	846	-	-	-	6	6	6	0,71%	
7	Huyện Giang Thành	1.206	-	-	1.206	-	-	-	-	-	-	0,00%	
8	Huyện Kiên Lương	261	-	-	261	-	-	-	-	-	-	0,00%	
9	Huyện Vĩnh Thuận	245	-	-	245	-	-	-	-	-	-	0,00%	
10	Huyện U Minh Thượng	32	-	-	32	-	-	-	-	-	-	0,00%	
B	NGUỒN SỰ NGHIỆP	377.154	84.627	85.964	206.563	1.861	1.891	6.913	10.665	10.665	3,35%		
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	8.699	-	-	8.699	-	-	2.796	2.796	2.796	2.796	32,15%	
2	Huyện An Biên	4.193	2.120	-	2.073	55	573	-	628	628	628	14,98%	
3	Huyện Hòn Đất	21.263	4.239	7.631	9.393	166	666	1.516	2.348	2.348	2.348	11,04%	
4	Huyện Châu Thành	20.881	5.181	5.916	9.785	202	82	1.803	2.087	2.087	2.087	9,99%	
5	Huyện An Minh	8.362	4.977	3.385	-	301	410	-	711	711	711	8,50%	
6	Huyện U Minh Thượng	22.794	1.083	2.621	19.091	-	159	798	957	957	957	4,20%	
7	Huyện Giồng Riềng	31.252	1.656	977	28.619	1.016	-	-	1.016	1.016	1.016	3,25%	
8	Thành phố Phú Quốc	8.264	4.399	3.865	-	121	-	-	121	121	121	1,46%	
9	Sở Tư pháp	41	28	-	13	-	0,45	-	0,45	0,45	0,45	1,09%	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	8.638	737	-	7.901	-	-	-	-	-	-	0,00%	

11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (chưa thực hiện xong việc chuyển tiếp cho các đơn vị để quản lý, thực hiện)	85.804	22	23.191	62.591	-	-	-	-	0,00%
12	Sở Văn hóa và Thể thao	615	224		391	-	-	-	-	0,00%
13	Sở Y tế	11.986	778	10.804	404	-	-	-	-	0,00%
14	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2.038	1.863		174	-	-	-	-	0,00%
15	Sở Khoa học và Công nghệ + Sở Thông tin và Truyền thông	1.712	1.658	35	20	-	-	-	-	0,00%
16	Sở Nông nghiệp và Môi trường (gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn + Sở Tài nguyên và Môi trường + VPPĐ Nông thôn mới)	48.811	35.820	12.285	706	-	-	-	-	0,00%
17	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	72	55	17	-	-	-	-	-	0,00%
18	Liên minh Hợp tác xã	76	-	-	76	-	-	-	-	0,00%
19	Sở Công thương	37	11	-	26	-	-	-	-	0,00%
20	Tỉnh đoàn	149	101	-	49	-	-	-	-	0,00%
21	Hội Nông dân tỉnh	129	122	-	7	-	-	-	-	0,00%
22	Hội cựu chiến binh tỉnh	62	62			-	-	-	-	0,00%
23	Sở Nội vụ	2.880	1.033	-	1.847	-	-	-	-	0,00%
24	Sở Xây dựng (Giao thông + Xây dựng)	30	30			-	-	-	-	0,00%
25	Sở Du lịch	220	220	-	-	-	-	-	-	0,00%
26	Huyện Gò Quao	12.394	4.086		8.308	-	-	-	-	0,00%
27	Huyện Kiên Hải	4.556	1.590	2.966	-	-	-	-	-	0,00%
28	Huyện Vĩnh Thuận	6.910	3.207	2.182	1.521	-	-	-	-	0,00%

29	Huyện Kiên Lương	24.516	7.159	1.495	15.862	-				-	0,00%	
30	Huyện Giang Thành	10.126	1.269	1.450	7.407	-				-	0,00%	
31	Thành phố Rạch Giá	9.290	579	3.281	5.430	-	-	-	-	-	0,00%	
32	Thành phố Hà Tiên	7.370	284	3.865	3.221	-	-	-	-	-	0,00%	
33	Trường Cao đẳng Kiên Giang	4.483	-	-	4.483	-	-	-	-	-	0,00%	
34	Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	4.483	-	-	4.483	-	-	-	-	-	0,00%	
35	Trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang	3.983	-	-	3.983	-	-	-	-	-	0,00%	
36	Công an tỉnh	14	14				-	-	-		0,00%	
37	Bộ CHQS tỉnh	20	20				-	-	-		0,00%	

Số:3862 /KH-SYT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-UBND, ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Thực hiện Kế hoạch số 1555/KH-SYT ngày 24/5/2024 về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2024 và Kế hoạch số 1575/KH-SYT ngày 27/5/2024 về thực hiện “Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em, nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số” thuộc Dự án 7 năm 2024;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, dịch vụ chăm sóc có chất lượng về sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội. Nhằm góp phần cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Yêu cầu

Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị thiết yếu, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực, chuyên môn cho nhân viên y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn. Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật mới cho trạm y tế xã.

Thực hiện tầm soát chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số, tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ góp phần nâng cao chất lượng dân số. Tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường khả năng tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các dịch vụ chăm sóc có chất lượng về sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em nâng cao tầm vóc người dân tộc thiểu số.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ đào tạo học viên CKI, cử nhân Điều dưỡng, cử nhân các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học cho các sinh viên đã trúng tuyển ngành Điều dưỡng, các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học trình độ đại học cho các xã thuộc vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Nâng cao chất lượng Dân số vùng đồng bào DTTS và miền núi”.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 130/KH-CCDS ngày 16/11/2022 của Chi cục Dân số-KHHGĐ Thực hiện “Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025.

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tỉnh Kiên Giang có 49 xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I, II, III (Khu vực I: 46 xã; Khu vực II: 01 xã; Khu vực III: 02 xã) tại 11 huyện, thành phố là TP Rạch Giá, TP Hà Tiên và 9 huyện (Giang Thành, Kiên Lương, Hòn Đất, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận). Phấn đấu đến năm 2025:

- 25% nam, nữ thực hiện tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn, 20% bà mẹ mang thai được tầm soát sàng lọc trước sinh và 25% trẻ sơ sinh được tầm soát sàng lọc sơ sinh tại các xã thuộc khu vực III.

- 60% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 năm /lần tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên chọn các xã thuộc khu vực II và III.

- Tăng thêm 60% số người sử dụng dịch vụ Dân số-KHHGĐ tại các xã thuộc khu vực II và III.

3. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

3.1. Chỉ tiêu về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân dưới 11,4%;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi dưới 19,8%;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm dưới 3,8%;

3.2. Chỉ tiêu về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- 100% xã khu vực III triển khai mô hình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời;
- 60% Phụ nữ có thai tại các xã khu vực III được cấp sản phẩm dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai;
- 80% trẻ em suy dinh dưỡng từ 6 - 23 tháng tuổi tại các xã khu vực III được cấp các sản phẩm dinh dưỡng; bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh.

3.3. Chỉ tiêu, nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em

- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi còn 11,5‰¹;
- 80% phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ².
- 99,3% phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của nhân viên y tế³.
- 65% phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh tại nhà 3 lần trong 42 ngày sau đẻ⁴.
- 74% trẻ em dưới 2 tuổi tại các xã khu vực III được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần.

3.4. Chỉ tiêu về tuyên truyền vận động và truyền thông thay đổi hành vi về sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

- 90% Phụ nữ có thai tại xã khu vực III được sàng lọc ít nhất 3 dấu hiệu nguy hiểm ở bà mẹ mang thai; 3 dấu hiệu nguy hiểm ở bà mẹ sau sinh; 3 dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ sơ sinh⁵;
- 90% xã khu vực III triển khai thực hiện Tuần lễ làm mẹ an toàn hằng năm⁶;
- 90% Phụ nữ có thai tại xã khu vực III được tiếp cận ít nhất 1 loại tài liệu truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em⁷.

3.5. Nhóm hoạt động: Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em

3.5.1. Thẩm định tử vong mẹ: Tổ chức thẩm định các trường hợp tử vong mẹ, gửi báo cáo về Tiểu ban thẩm định tử vong mẹ theo quy định (nội dung và định mức chi theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC).

¹ Năm 2024 là 11,6‰

² Năm 2024 là 78,2%

³ Năm 2024 là 99%

⁴ Năm 2024 là 50%

⁵ Năm 2024 là 85%

⁶ Năm 2024 là 85%

⁷ Năm 2024 là 85%

3.5.2. Phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ triển khai, thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể:

Gói 1 - Chăm sóc trước sinh:

Nội dung của gói 1 bao gồm:

- Khám thai định kỳ tối thiểu 4 lần theo Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Hỗ trợ cơ sở y tế thực hiện sàng lọc xét nghiệm protein niệu (trong mỗi lần khám thai, tối đa 4 lần); xét nghiệm sàng lọc bằng test nhanh bệnh lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con (1 lần trong thai kỳ).

- Cung cấp que thử protein niệu cho cô đỡ thôn bản (CĐTB) để thực hiện xét nghiệm tại nhà cho PNCT không đến khám thai tại CSYT.

Gói 2 - Hỗ trợ chăm sóc trong sinh:

Nội dung của gói 2 bao gồm:

- Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế ấp, y tế thôn bản đỡ đẻ tại nhà cho bà mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế.

- Ngoài ra, trong khuôn khổ Dự án 8, Hội LHPN sẽ hỗ trợ cho bà mẹ đến đẻ tại cơ sở y tế tiền đi lại, tiền ăn trong thời gian lưu trú tại cơ sở y tế và gói vật tư chăm sóc bà mẹ và sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

Gói 3 - Hỗ trợ chăm sóc sau sinh:

Nội dung của gói 3 bao gồm:

- Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản khi thực hiện chăm sóc bà mẹ và sơ sinh tại nhà (3 lần trong 42 ngày sau đẻ).

Gói 4 - Chăm sóc sức khỏe trẻ em:

Nội dung của gói 4 bao gồm:

- Hỗ trợ cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 24 tháng tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Lưu ý: Các đối tượng trẻ em khác thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; tư vấn và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em.

III. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DA7) của 11 huyện, thành phố (Theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) thực hiện khi cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh

phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Đầu mối xây dựng kế hoạch, thực hiện sơ kết, tổng kết Chương trình “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” - Dự án 7 theo quy định.

Tổ chức kiểm tra giám sát, hướng dẫn Trung tâm Y tế các huyện, thành phố thực hiện Chương trình “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” - Dự án 7.

2. Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế

Xây dựng Kế hoạch đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Chi cục Dân số - KHHGD

- Xây dựng Kế hoạch hướng dẫn Trung tâm Y tế tham mưu cho UBND cấp huyện các nội dung nâng cao chất lượng dân số.

- Tổ chức tập huấn các kỹ năng tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn, các quy trình trong chẩn đoán điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho nhân viên y tế, dân số huyện, xã và cộng tác viên dân số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc khu vực III.

- Đào tạo, tập huấn tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn chăm sóc sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục /kế hoạch hóa gia đình cho Vị thành niên, thanh niên phụ trách đoàn, đội tại các trường Trung học Phổ thông, Trung học cơ sở trên địa bàn khu vực III.

- Phổ biến kiến thức cho cộng tác viên dân số và Câu lạc bộ người cao tuổi tại 50% số xã Khu vực III theo Quyết định 861/QĐ-TTg về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tư vấn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe tại nhà, phòng tránh bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý dân số và ổn định phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới cho nhân viên y tế, dân số huyện, xã và cộng tác viên dân số thuộc khu vực II và III.

- Thực hiện tin, bài nội dung có liên quan về nâng cao chất lượng Dân số đăng trên Báo Kiên Giang, đài Phát thanh - Truyền hình, bản tin Dân số Phát triển của Chi cục Dân số, in ấn tài liệu, pano, áp phích truyền thông tuyên truyền việc tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi.....

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và hỗ trợ hướng dẫn chuyên môn cho Trung tâm Y tế các huyện, thành phố trong hoạt động khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện Dự án 7.

4. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Hướng dẫn Trung tâm Y tế tham mưu cho UBND cấp huyện các nội dung hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng tại địa phương;

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến huyện và xã thực hiện can thiệp về chăm sóc sức khỏe sinh sản và dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em;

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế, người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời, kỹ năng truyền thông chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tập huấn cho cán bộ y tế, y tế cấp đề thực hiện chăm sóc trước, trong và sau sinh cho bà mẹ và trẻ sơ sinh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc khu vực III;

Phối hợp với các cơ quan Báo, Đài của tỉnh xây dựng các chuyên mục đến thông tin tuyên truyền và vận động thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp cho mọi đối tượng.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch và báo cáo theo quy định.

5. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo từng chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch.

Hàng năm báo cáo về Sở Y tế định kỳ 6 tháng và cuối năm.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Y tế thực hiện Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- GD và các PGD Sở Y tế;
- Phòng: KH-TC, TCCB SYT;
- Trung tâm KSBT;
- Chi cục DS-KHHGD;
- TTYT 11 huyện, Tp (QĐ 861/QĐ-TTg);
- Trang VPĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chung Tấn Thịnh

PHỤ LỤC I
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN CÁC CTMTQG NĂM 2025 (THEO SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)

(kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày tháng năm 2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng.

TT		Theo ngành/địa phương	Kế hoạch vốn năm 2025					Giá trị giải ngân từ đầu năm đến ngày 25/5/2025					Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:				Trong đó:			Tổng cộng	Đạt tỷ lệ %	
				Nông thôn mới	Giảm nghèo bền vững	Vùng DB DTTS và MN	Nông thôn mới	Giảm nghèo bền vững	Vùng DB DTTS và MN				
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10=7+8+9	11=10/3	14		
A	NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	179.926	115.700	9.278	54.948	5.964	2.761	14.305	23.030	12,80%			
A.1	Ngân sách Trung ương	171.937	115.700	8.066	48.171	5.964	2.761	13.831	22.556	13,12%			
1	Thành phố Rạch Giá	807	170	-	637	-	-	614	614	76,10%			
2	Huyện An Biên	4.052	4.052	-	-	2.302	-	-	2.302	56,80%			
3	Huyện U Minh Thượng	12.993	680	8.066	4.247	-	2.761	3.564	6.326	48,69%			
4	Thành phố Hà Tiên	340	340	-	-	147	-	-	147	43,37%			
5	Huyện Hòn Đất	30.207	19.820	-	10.387	2.346	-	4.255	6.602	21,85%			
6	Huyện Kiên Hải	3.038	3.038	-	-	604	-	-	604	19,88%			
7	Huyện Gò Quao	14.046	10.646	-	3.400	356	-	1.160	1.516	10,80%			
8	Huyện Châu Thành	26.654	15.698	-	10.956	70	-	2.495	2.565	9,62%			
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.073		-	10.073	-	-	898	898	8,91%			
10	Huyện Giang Thành	12.903	7.328	-	5.575	138	-	485	623	4,82%			
11	Huyện Vĩnh Thuận	8.340	7.140	-	1.200	-	-	120	120	1,44%			
12	Huyện Giồng Riềng	22.822	21.680	-	1.142	-	-	240	240	1,05%			
13	Huyện Tân Hiệp	1.700	1.700	-	-	-	-	-	-	0,00%			
14	Huyện An Minh	5.065	5.065	-	-	-	-	-	-	0,00%			
15	Huyện Kiên Lương	4.102	3.548	-	554	-	-	-	-	0,00%			
16	Thành phố Phú Quốc	14.795	14.795	-	-	-	-	-	-	0,00%			
A.2	Ngân sách địa phương	7.989	-	1.212	6.777	-	-	474	474	5,93%			

1	Huyện Châu Thành	1.622	-	-	-	1.622	-	-	263	263	16,21%	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	592	-	-	592	-	-	-	91	91	15,38%	
3	Huyện Hòa Đất	1.560	-	-	1.560	-	-	-	120	120	7,69%	
4	Huyện Giồng Riềng	172	-	-	172	-	-	-	-	-	0,00%	
5	Huyện Gò Quao	510	-	-	510	-	-	-	-	-	0,00%	
6	Huyện U Minh Thượng	1.851	-	1.212	639	-	-	-	-	-	0,00%	
7	Huyện Vĩnh Thuận	180	-	-	180	-	-	-	-	-	0,00%	
8	Huyện Kiên Lương	83	-	-	83	-	-	-	-	-	0,00%	
9	Huyện Giang Thành	1.324	-	-	1.324	-	-	-	-	-	0,00%	
10	Thành phố Rạch Giá	96	-	-	96	-	-	-	-	-	0,00%	
B	NGUỒN SỰ NGHIỆP	85.999	85.999	-	-	899	-	-	899	1,05%		
1	Huyện An Biên	2.040	2.040	-	-	500	-	-	500	24,51%		
2	Huyện Hòn Đất	9.960	9.960	-	-	399	-	-	399	4,01%		
3	Sở Tư pháp	420	420	-	-	0,499	-	-	0,499	0,12%		
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	20	20	-	-	-	-	-	-	0,00%		
5	Sở Văn hóa và Thể thao	820	820	-	-	-	-	-	-	0,00%		
6	Sở Y tế	520	520	-	-	-	-	-	-	0,00%		
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1.520	1.520	-	-	-	-	-	-	0,00%		
8	Sở Khoa học và Công nghệ	3.050	3.050	-	-	-	-	-	-	0,00%		
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	15.114	15.114	-	-	-	-	-	-	0,00%		
10	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	400	400	-	-	-	-	-	-	0,00%		
11	Hội Cựu chiến binh tỉnh	320	320	-	-	-	-	-	-	0,00%		
12	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	20	20	-	-	-	-	-	-	0,00%		
13	Công An tỉnh	1.420	1.420	-	-	-	-	-	-	0,00%		
14	Sở Công thương	30	30	-	-	-	-	-	-	0,00%		
15	Tỉnh đoàn	420	420	-	-	-	-	-	-	0,00%		
16	Hội Nông dân tỉnh	1.620	1.620	-	-	-	-	-	-	0,00%		
17	Chi Cục thống kê	20	20	-	-	-	-	-	-	0,00%		
18	Sở Nội vụ	985	985	-	-	-	-	-	-	0,00%		
19	Sở Du lịch	220	220	-	-	-	-	-	-	0,00%		
20	Sở Xây dựng	40	40	-	-	-	-	-	-	0,00%		

21	Huyện Châu Thành	2.645	2.645	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
22	Huyện Giồng Riềng	8.040	8.040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
23	Huyện Gò Quao	2.450	2.450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
24	Huyện Tân Hiệp	6.750	6.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
25	Huyện Kiên Hải	5.520	5.520	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
26	Huyện An Minh	4.150	4.150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
27	Huyện U Minh Thượng	4.630	4.630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
28	Huyện Vĩnh Thuận	1.435	1.435	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
29	Huyện Kiên Lương	3.385	3.385	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
30	Huyện Giang Thành	1.025	1.025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
31	Thành phố Phú Quốc	4.485	4.485	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
32	Thành phố Rạch Giá	305	305	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
33	Thành phố Hà Tiên	1.060	1.060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	
34	Cấp xã (116 xã)	1.160	1.160	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP



PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: KH.1.1TP ngày, tháng 6 năm 2025.....

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; Khoa A50P
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);.....

- Ngày, 12 tháng 06 năm 2025 cho ý kiến phối, giải quyết.....

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, ... tháng, năm cho ý kiến.....

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng, năm đề xuất ý kiến.....